

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 62/2022/DSST

Ngày 09/8/2022

V/v tranh chấp hui.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Dương Thị Tú Ph;

2/. Bà Võ Tuyết Kh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ng – Thẩm Phán Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2022/QĐST- DS ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp 8A, xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2/. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hu, sinh năm 1963;

Địa chỉ: ấp 8A, xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Bà H và bà Hu có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà làm chủ hội, bà Hu tham gia chơi hội, cụ thể như sau:

+ Chung hội thứ 1: Hội tháng 1 tháng kHu 1 lần, 1.000.000 đồng/ 1 chung, kHu ngày 20/02/2020 âm lịch, có 19 chung hội, bà Hu tham gia 1 chung, đóng được 13 lần hội sống thì hốt hội. Bà Hu hốt hội vào ngày 20/02/2021 âm lịch (do nhuận 1 tháng) được số tiền 15.900.000 đồng, trừ tiền đầu thảo còn 15.400.000 đồng, bà đã chung tiền hội xong cho bà Hu xong. Từ tháng 5 năm 2021 âm lịch thì bà Hu không đóng hội chết cho bà, chung hội này đã mãn hội. Chung hội này bà yêu cầu bà Hu trả số tiền 3.000.000 đồng.

+ Chung hội thứ 2: Hội tháng 1 tháng kHu 1 lần, 1.000.000 đồng/ 1 chung, kHu ngày 29/4/2020 âm lịch, có 20 chung hội, bà Hu tham gia 02 chung, ngày kHu hội 29/4/2020 âm lịch bà Hu hốt 1 chung được số tiền 11.900.000 đồng, trừ tiền đầu thảo còn 11.400.000 đồng, bà đã giao tiền hội cho bà Hu; còn chung hội thứ 2 bà Hu đóng được 04 lần hội sống thì đến ngày 29/8/2020 âm lịch bà Hu hốt hội được số tiền 13.900.000 đồng trừ tiền đầu thảo còn lại 13.400.000 đồng, bà đã giao tiền hội cho bà Hu xong. Từ tháng 5 năm 2021 âm lịch thì bà Hu không đóng hội chết cho bà, chung hội này đã mãn hội vào ngày 29 tháng 02 năm 2022 âm lịch. Chung hội này bà yêu cầu bà Hu trả số tiền 14.000.000 đồng.

+ Chung hội thứ 3: Hội tháng 1 tháng kHu 1 lần, 1.000.000 đồng/ 1 chung, kHu ngày 09/10/2020 âm lịch, có 29 chung hội, bà Hu tham gia 04 chung, ngày kHu hội 09/10/2020 âm lịch bà Hu hốt 1 chung trừ tiền đầu thảo còn 15.880.000 đồng, bà đã giao tiền hội cho bà Hu xong; đến ngày 09 tháng 12 năm 2020 âm lịch bà Hu hốt chung hội thứ 2 sau khi trừ tiền đầu thảo còn lại số tiền 16.840.000 đồng, bà đã chung hội xong cho bà Hu; đến ngày 09 tháng 3 năm 2021 âm lịch bà Hu hốt hội chung thứ 3 sau khi trừ tiền đầu thảo được số tiền 16.920.000 đồng, bà đã chung tiền hội cho bà Hu xong. Còn chung hội thứ 4 thì bà Hu đóng được 7 lần hội sống bằng số tiền 4.080.000 đồng, sau đó bà Hu không đóng tiền hội cho bà nữa, sau đó bà có thỏa thuận với bà Hu là bà lấy chung hội này bán lại cho người khác thì bà Hu đồng ý, hiện tại bà còn giữ của bà Hu số tiền 4.080.000 đồng. chung hội này chưa mãn hội. Bà yêu cầu bà Hu trả cho bà số tiền 18.000.000 đồng (tính từ ngày 09/5/2021 âm lịch đến ngày 09/12/2021 âm lịch).

+ Chung hội thứ 4: Hội tháng 1 tháng kHu 1 lần, 2.000.000 đồng/ 1 chung, kHu ngày 12/02/2021 âm lịch, có 16 chung hội, bà Hu tham gia 02 chung, ngày kHu hội 12/02/2021 âm lịch bà Hu hốt 1 chung trừ tiền đầu thảo còn 17.060.000 đồng, bà đã giao tiền hội cho bà Hu; còn chung hội thứ 2 bà Hu đóng được 03 lần được số tiền 3.800.000 đồng (hiện tôi đang giữ), chung hội này bà có nói với bà Hu và bà đã bán hội lại cho người khác. Chung hội này hiện chưa mãn hội. Chung hội này bà yêu cầu bà Hu trả số tiền 12.000.000 đồng (tính từ ngày 12/5/2021 âm lịch đến ngày 12/12/2021 âm lịch).

+ Chung hội thứ 5: Hội tháng 1 tháng kHu 1 lần, 1.000.000 đồng/ 1 chung, kHu ngày 15/02/2021 âm lịch, có 25 chung hội, bà Hu tham gia 03 chung, ngày 15/4/2021 âm lịch bà Hu hốt 1 chung trừ tiền đầu thảo còn 13.160.000 đồng, bà đã

giao tiền hội cho bà Hu; còn lại 02 chung hội sống thì bà Hu đóng được 03 lần bằng số 3.400.000 đồng (hiện bà đang giữ), 02 chung hội này bà có nói với bà Hu và bà đã bán hội lại cho người khác. Chung hội này hiện chưa mãn hội. Chung hội này bà yêu cầu bà Hu trả số tiền 6.000.000 đồng (tính từ ngày 15/5/2021 âm lịch đến ngày 15/12/2021 âm lịch). Nay Bà kiện đòi cá nhân bà Nguyễn Thị Hu trả tiền hội còn thiếu là 53.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Hu trình bày: Bà thừa nhận có tham gia chơi hội do bà Trần Thị H làm chủ hội, cụ thể:

+ Chung hội thứ 1: Hội tháng 1 tháng kHu 1 lần, 1.000.000 đồng/ 1 chung, kHu ngày 20/02/2020 âm lịch, có 19 chung hội, tôi tham gia 1 chung, đóng được 13 lần hội sống thì hết hội. Bà hết hội vào ngày 20/02/2021 âm lịch (do nhuận 1 tháng) được số tiền 15.900.000 đồng, trừ tiền đầu thảo còn 15.400.000 đồng, chung hội này bà đã đóng tiền hội chết cho bà H xong đến ngày mãn hội nên bà không còn thiếu tiền bà H.

+ Chung hội thứ 2: Hội tháng 1 tháng kHu 1 lần, 1.000.000 đồng/ 1 chung, kHu ngày 29/4/2020 âm lịch, có 20 chung hội, bà tham gia 02 chung, ngày kHu hội 29/4/2020 âm lịch (tháng 4 trước do nhuận 2 tháng 4), bà hết 1 chung được số tiền 11.900.000 đồng, trừ tiền đầu thảo còn 11.400.000 đồng, bà đã nhận tiền hết hội xong; còn chung hội thứ 2 bà đóng được 04 lần hội sống thì đến ngày 29/8/2020 âm lịch bà hết hội được số tiền 13.900.000 đồng trừ tiền đầu thảo còn lại 13.400.000 đồng, bà đã nhận tiền hội xong. Bà đã đóng tiền hội chết cho bà H đến khi mãn hội. Chung hội này bà không còn thiếu tiền của bà H.

+ Chung hội thứ 3: Hội tháng 1 tháng kHu 1 lần, 1.000.000 đồng/ 1 chung, kHu ngày 09/10/2020 âm lịch, có 29 chung hội, bà Hu tham gia 04 chung, ngày kHu hội 09/10/2020 âm lịch thì bà hết 1 chung trừ tiền đầu thảo còn 15.880.000 đồng, bà đã nhận tiền hết hội xong; đến ngày 09 tháng 12 năm 2020 âm lịch thì bà hết chung hội thứ 2 sau khi trừ tiền đầu thảo còn lại số tiền 16.840.000 đồng, bà đã nhận tiền hết hội xong; đến ngày 09 tháng 3 năm 2021 âm lịch bà hết hội chung thứ 3 sau khi trừ tiền đầu thảo được số tiền 16.920.000 đồng, bà đã nhận tiền hết hội xong. Còn chung hội thứ 4 thì bà Hu đóng được 7 lần hội sống bằng số tiền 4.080.000 đồng.

+ Chung hội thứ 4: Hội tháng 1 tháng kHu 1 lần, 2.000.000 đồng/ 1 chung, kHu ngày 12/02/2021 âm lịch, có 16 chung hội, tôi tham gia 02 chung, ngày kHu hội 12/02/2021 âm lịch bà hết 1 chung trừ tiền đầu thảo còn 17.060.000 đồng, bà đã nhận tiền hết hội xong; còn chung hội thứ 2 bà đóng được 03 lần hội sống được số tiền 3.800.000 đồng (hiện bà H đang giữ).

+ Chung hội thứ 5: Hội tháng 1 tháng kHu 1 lần, 1.000.000 đồng/ 1 chung, kHu ngày 15/02/2021 âm lịch, có 25 chung hội, bà tham gia 03 chung, ngày 15/4/2021 âm lịch bà hết 1 chung trừ tiền đầu thảo còn 13.160.000 đồng, bà đã nhận tiền hết hội xong; còn lại 02 chung hội sống thì bà đóng được 03 lần bằng số 3.400.000 đồng (hiện bà H đang giữ).

Ngày 19/10/2021 âm lịch, bà với bà H ngồi lại tính tiền hội chết bà thiếu bà H và tiền hội sống bà H thiếu bà (chung hội thứ 3 kHu ngày 09/10/2020 âm lịch, chung hội thứ 4 kHu ngày 12/02/2021 âm lịch và chung hội thứ 5 khi ngày 15/02/2021 âm lịch) thì bà còn thiếu bà H số tiền 20.720.000 đồng, (có làm giấy do bà H viết), sau đó bà có trả cho bà H thêm số tiền 1.000.000 đồng nhưng bà H không có làm giấy. Từ tháng 11 năm 2021 âm lịch đến nay, bà không có trả thêm khoản tiền nào cho bà H.

Nay bà Hu đồng ý trả tiền hội cho bà H bằng số tiền 19.720.000 đồng (tính đến ngày 19/10/2021 âm lịch) và số tiền hội chết 12.000.000 đồng (tính từ ngày 19/10/2021 âm lịch đến tháng 12/2021 âm lịch). Tổng cộng tính đến tháng 12 năm 2021 âm lịch, bà thừa nhận còn thiếu bà H tổng số tiền hội 31.720.000 đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về việc chuyển quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu còn trễ thời hạn do pháp luật quy định. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H. Buộc bà Hu có nghĩa vụ trả cho bà H tiền hội tính đến tháng 12 năm 2021 âm lịch số tiền 35.720.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đòi bà Hu trả tiền hội số tiền 17.280.000 đồng. Đối với số tiền hội sống, bà Hu đã đóng 11.280.000 đồng, đã được các đương sự đối trừ trong giấy nợ ngày 19/10/2021 âm lịch. Vì vậy, số tiền này bà H không còn nợ bà Hu. Án phí: đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H khởi kiện bà Hu về tranh chấp nợ hội tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu; Bà Hu có địa chỉ cư trú tại ấp 8A, xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long nên Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị Hu trả tiền hội còn thiếu tổng số tiền 53.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi: Các đương sự thống nhất, bà Hu có tham gia 05 dây hội do bà H làm chủ, thống nhất về thời gian bà Hu bỏ hội, hốt hội, thống nhất về số tiền hốt hội, mỗi lần hốt hội bà H đều có lập biên bản giao nhận tiền và bà Hu có ký tên, thống nhất nội dung hiện tại

bà Hương đang giữ tiền hội sống bà Hu đã đóng số tiền 11.280.000 đồng, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà Hu chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền 31.720.000 đồng.

[3.1] Bà H xác định, sau khi hốt hội, bà Hu đóng hội chết đầy đủ cho bà H, nhưng đến tháng 5 năm 2021 âm lịch thì bà Hu ngưng đóng hội tiền cho bà H. Từ đó, bà H yêu cầu bà Hu trả tiền hội chết tính từ tháng 5 năm 2021 âm lịch đến hết tháng 12 năm 2021 âm lịch bằng số tiền là 53.000.000 đồng.

[3.2] Bà Hu trình bày, sau khi hốt hội bà có đóng hội chết cho bà H, nhưng đóng không đầy đủ. Đến ngày 19/10/2021 âm lịch, bà H và bà Hu có tổng kết lại tiền nợ hội chết của bà Hu và số tiền hội sống bà H đang giữ của bà Hu. Tại giấy trún hội cô 6 (bút lục 37) do bà Hu cung cấp thể hiện tổng tiền nợ hội của bà Hu tính đến ngày 19/10/2021 âm lịch là 32.000.000 đồng, sau khi trừ tiền hội sống bà H đang giữ của bà Hu là 11.280.000 đồng, như vậy bà Hu còn nợ bà H tiền hội chết là 20.720.000 đồng. Giấy ghi nợ nêu trên bà Hu cho rằng là do bà H viết và đưa cho bà giữ. Tại phiên tòa, bà H trình bày thống nhất ngày 19/10/2021 âm lịch có cùng với bà Hu tính tiền hội chết bà Hu thiếu bà H, tiền hội sống bà H giữ của bà Hu và bà H có viết tờ giấy do bà Hu cung cấp cho Tòa án; sự thừa nhận bà H và bà Hu là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; nội dung thể hiện tính đến ngày 19/10/2021 âm lịch, bà Hu chỉ còn nợ lại bà H số tiền hội chết của 05 dây hội bằng số tiền 20.720.000 đồng. Các dây hội đã hốt mỗi tháng bà Hu phải đóng hội chết cho bà H là 8.000.000 đồng, tính đến hết tháng 12/2021 âm lịch, bà Hu phải đóng hội chết 16.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền hội chết bà Hu còn nợ bà H là 36.720.000 đồng. Bà Hu trình bày sau khi tổng kết nợ bà Hu đóng thêm cho bà H số tiền 1.000.000 đồng; tại phiên tòa bà H thừa nhận có nhận của bà Hu số tiền 1.000.000 đồng, bà Hu yêu cầu đối trừ vào số tiền hội bà còn thiếu bà H.

[3.3] Từ những phân tích trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H. Buộc bà Hu có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền hội tính đến hết tháng 12/2021 âm lịch số tiền là 35.720.000 đồng.

[3.4] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đòi bà Hu trả tiền hội bằng số tiền 17.280.000 đồng.

[4] Xét thấy quan điểm của Kiểm sát viên là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí xét xử dân sự có giá ngạch: buộc bà H, bà Hu phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92 và 248 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội.

Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 quy định về Họ, Hui, Biêu, PH.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đòi bà Nguyễn Thị Hu trả tiền hui bằng số tiền 35.720.000 đ (Ba mươi lăm triệu bảy trăm hai chục nghìn đồng).

2/. Buộc bà Nguyễn Thị Hu có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền 35.720.000 đ (Ba mươi lăm triệu bảy trăm hai chục nghìn đồng).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đòi bà Nguyễn Thị Hu trả tiền hui số tiền 17.280.000 đ (Mười bảy triệu hai trăm tám chục nghìn đồng).

4/. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Hu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 1.786.000 đ (Một triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Buộc bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 864.000 đ (Tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), bà H đã tạm ứng số tiền 1.325.000 đ (Một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai số 0005074 ngày 03/3/2022 được chuyển thu án phí số tiền 864.000 đ (Tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), bà H được hoàn lại số tiền 416.000 đ (Bốn trăm mười sáu nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

“Bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm dân sự công khai có mặt các đương sự, báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Đường sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh Tồn